

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: Số 30/26, tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: Số 30/26, tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới thường xuyên cãi vã. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng tới mức không thể hóa giải. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N có 01 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 02/07/2002. Ly hôn, hai bên thống nhất giao cháu Trần Minh H cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 02/07/2002, cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N khai không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007768 ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, TP (3).

THẨM PHÁN

Lê Văn Thắng